

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch kiểm toán năm 2025

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước ngày 24 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiểm toán nhà nước ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch kiểm toán năm 2025 của Kiểm toán nhà nước như Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bộ trưởng các Bộ; thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được kiểm toán và thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch Quốc hội; các Phó Chủ tịch Quốc hội (để b/c);
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó TTCP (để b/c);
- Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực (để b/c);
- Ủy ban Kiểm tra Trung ương;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Thanh tra Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Thanh tra của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Báo Nhân dân; Báo Đại biểu nhân dân; Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lãnh đạo KTNN;
- Các đơn vị trực thuộc KTNN;
- Lưu: VT, TH.

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC



Ngô Văn Tuấn

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN NĂM 2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1975/QĐ-KTNN ngày 11 tháng 12 năm 2025
của Tổng Kiểm toán nhà nước)

| STT | NHIỆM VỤ KIỂM TOÁN |
|--------------|--|
| A | KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC |
| I | Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước và Báo cáo nợ công năm 2024 |
| II | Các Bộ, cơ quan trung ương |
| <i>Mục 1</i> | <i>Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2024</i> |
| 1 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 2 | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội |
| 3 | Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam |
| 4 | Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam |
| 5 | Đài Tiếng nói Việt Nam |
| 6 | Thông tấn xã Việt Nam |
| 7 | Ủy ban Dân tộc |
| 8 | Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh |
| 9 | Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam |
| 10 | Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam |
| 11 | Hội Nông dân Việt Nam |
| 12 | Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam |
| 13 | Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 14 | Thanh tra Chính phủ |
| 15 | Viện Kiểm sát nhân dân tối cao |
| 16 | Bộ Giao thông vận tải |
| 17 | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 18 | Bộ Tài chính |
| 19 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 20 | Bộ Nội vụ |



| STT | NHIỆM VỤ KIỂM TOÁN |
|--------------|---|
| 21 | Bộ Xây dựng |
| 22 | Văn phòng Chủ tịch nước |
| 23 | Văn phòng Quốc hội |
| 24 | Văn phòng Chính phủ |
| 25 | Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam |
| 26 | Liên minh Hợp tác xã Việt Nam |
| 27 | Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh |
| Mục 2 | <i>Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2024</i> |
| 1 | Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 2 | Bộ Khoa học và Công nghệ |
| 3 | Bộ Y tế |
| 4 | Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh |
| 5 | Tòa án nhân dân tối cao |
| 6 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 7 | Bộ Thông tin và Truyền thông |
| 8 | Bộ Công Thương |
| 9 | Bộ Tư pháp |
| 10 | Bộ Ngoại giao |
| III | Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương |
| Mục 1 | <i>Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2024</i> |
| 1 | Tỉnh Hòa Bình |
| 2 | Tỉnh Hà Nam |
| 3 | Tỉnh Quảng Bình |
| 4 | Tỉnh Quảng Trị |
| 5 | Tỉnh Thừa Thiên Huế |
| 6 | Tỉnh Quảng Nam |
| 7 | Tỉnh Bình Định |
| 8 | Tỉnh Tây Ninh |
| 9 | Tỉnh Long An |
| 10 | Tỉnh Hậu Giang |

| STT | NHIỆM VỤ KIỂM TOÁN |
|--------------|---|
| 11 | Thành phố Cần Thơ |
| 12 | Tỉnh Bạc Liêu |
| 13 | Tỉnh Quảng Ninh |
| 14 | Tỉnh Hải Dương |
| 15 | Tỉnh Bắc Giang |
| 16 | Tỉnh Yên Bái |
| 17 | Tỉnh Lào Cai |
| 18 | Tỉnh Điện Biên |
| 19 | Tỉnh Sơn La |
| 20 | Tỉnh Phú Yên |
| 21 | Tỉnh Ninh Thuận |
| 22 | Tỉnh An Giang |
| 23 | Tỉnh Đồng Tháp |
| 24 | Tỉnh Tiền Giang |
| 25 | Tỉnh Vĩnh Long |
| 26 | Tỉnh Bắc Kạn |
| 27 | Tỉnh Hà Giang |
| 28 | Tỉnh Lạng Sơn |
| 29 | Tỉnh Cao Bằng |
| 30 | Tỉnh Nam Định |
| 31 | Tỉnh Thái Bình |
| 32 | Tỉnh Đắk Nông |
| 33 | Tỉnh Kon Tum |
| 34 | Tỉnh Bình Phước |
| 35 | Tỉnh Bình Thuận |
| Mục 2 | <i>Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2024</i> |
| 1 | Tỉnh Thái Nguyên |
| 2 | Tỉnh Nghệ An |
| 3 | Tỉnh Hưng Yên |
| 4 | Tỉnh Lai Châu |

| STT | NHIỆM VỤ KIỂM TOÁN |
|--------------|---|
| Mục 3 | <i>Kiểm toán ngân sách địa phương và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2024</i> |
| 1 | Thành phố Hà Nội |
| 2 | Tỉnh Bắc Ninh |
| 3 | Tỉnh Hà Tĩnh |
| 4 | Tỉnh Quảng Ngãi |
| 5 | Thành phố Đà Nẵng |
| 6 | Thành phố Hồ Chí Minh |
| 7 | Tỉnh Bình Dương |
| 8 | Tỉnh Cà Mau |
| 9 | Tỉnh Sóc Trăng |
| 10 | Thành phố Hải Phòng |
| 11 | Tỉnh Phú Thọ |
| 12 | Tỉnh Lâm Đồng |
| 13 | Tỉnh Khánh Hòa |
| 14 | Tỉnh Bến Tre |
| 15 | Tỉnh Trà Vinh |
| 16 | Tỉnh Tuyên Quang |
| 17 | Tỉnh Thanh Hóa |
| 18 | Tỉnh Ninh Bình |
| 19 | Tỉnh Đắk Lắk |
| 20 | Tỉnh Gia Lai |
| 21 | Tỉnh Đồng Nai |
| 22 | Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |
| IV | Trình ý kiến của KTNN về dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương năm 2026 |
| B | KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG |
| 1 | Công tác quản lý chất thải y tế các bệnh viện thuộc Bộ Y tế giai đoạn 2022 - 2024 |
| 2 | Hoạt động quản lý môi trường tại các khu công nghiệp và cụm công nghiệp của tỉnh Hải Dương, Phú Thọ giai đoạn 2022 - 2024 |

| STT | NHIỆM VỤ KIỂM TOÁN |
|----------|---|
| 3 | Dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ |
| 4 | Hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị giai đoạn 2021 - 2024 trên địa bàn thành phố Hà Nội, tỉnh Sơn La |
| 5 | Công tác quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đường bộ giai đoạn 2023-2024 tại Bộ Giao thông vận tải |
| 6 | Đề án ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La (Đề án 666) tại tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu |
| C | KIỂM TOÁN CHUYÊN ĐỀ |
| 1 | Việc quản lý, sử dụng, sắp xếp lại và xử lý nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 tại các bộ, cơ quan trung ương, doanh nghiệp ¹ |
| 2 | Việc thực hiện các chính sách ưu đãi đầu tư tại khu kinh tế, khu công nghiệp giai đoạn 2022 - 2024 tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các địa phương: Hà Nam, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Bình Định, Hồ Chí Minh, Bình Dương, Cà Mau, Hải Phòng, Yên Bái, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Thái Bình, Gia Lai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Quảng Bình, Bắc Ninh, Đồng Nai, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Bình Thuận, Quảng Ninh, Hà Nội |
| 3 | Công tác kiểm tra thuế, thanh tra thuế giai đoạn 2022 - 2024 tại Tổng cục Thuế và các Cục thuế địa phương: Hà Nội, Bắc Ninh, Nghệ An, Hà Tĩnh, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Long An, Hưng Yên, Hải Phòng, Phú Thọ, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Ninh Bình, Gia Lai, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, An Giang, Bình Định, Bình Phước, Cần Thơ, Hải Dương, Kiên Giang, Nam Định, Quảng Ninh, Hậu Giang, Lào Cai |
| 4 | Việc đầu tư, ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin, các hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số tại các địa phương giai đoạn 2021 - 2024: Hà Nam, Quảng Bình, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Điện Biên, Phú Yên, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Nam Định, Đắk Lắk, Đồng Nai, Bình Thuận, Bình Phước |
| 5 | Việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2023 - 2024 tại Bộ Khoa học và Công nghệ |
| 6 | Hệ thống công nghệ thông tin liên quan đến thu ngân sách nhà nước tại Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan |

¹ Thực hiện kiểm toán chuyên đề đối với các Bộ, cơ quan trung ương, doanh nghiệp có kiểm toán tài chính công, tài sản công, kiểm toán báo cáo tài chính trong năm 2025.

| STT | NHIỆM VỤ KIỂM TOÁN |
|-----|---|
| 7 | Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương: Hải Phòng, Bình Phước, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh, Vĩnh Long, Cần Thơ, Sơn La, Bắc Kạn, Phú Yên, Bạc Liêu, Hòa Bình, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Lào Cai, Lâm Đồng, Đồng Tháp, Tiền Giang, An Giang, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Thái Bình, Đắk Nông, Kon Tum |
| 8 | Công tác quản lý, bảo vệ môi trường đối với các cơ sở nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất giai đoạn 2022 - 2024 |
| 9 | Việc bảo toàn vốn của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP khi đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết giai đoạn 2023 - 2024 |
| 10 | Việc xử lý bù giá của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong bao tiêu sản phẩm của Dự án liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn theo Nghị quyết số 42/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội |
| 11 | Việc giao dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp tại BHXH Việt Nam theo Nghị quyết số 09/2021/UBTVQH15 ngày 08/12/2021 của UBTVQH khóa XV |
| 12 | Việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công của các bệnh viện công lập giai đoạn 2023 - 2024 trên địa bàn thành phố Hà Nội |
| 13 | Việc chấp hành các quy định pháp luật về quản lý, sử dụng đất trên địa bàn một số quận, huyện thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội |
| 14 | Việc điều tiết, quản lý và sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2022 - 2024 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh tại các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Bình Định, Nam Định, Lào Cai, Yên Bái, Đồng Tháp, Tiền Giang, Ninh Thuận, Phú Yên |
| 15 | Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 tại các địa phương: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế |
| 16 | Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 tại các tỉnh Lạng Sơn, Hà Giang |
| 17 | Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2022 - 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, Bình Định, Đắk Nông, Kon Tum |
| 18 | Việc quản lý, sử dụng nguồn thu xổ số kiến thiết giai đoạn 2022 - 2024 tại tỉnh Long An, Tây Ninh, Kiên Giang, Bạc Liêu |

| STT | NHIỆM VỤ KIỂM TOÁN |
|----------|--|
| 19 | Việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2024 tại tỉnh Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Giang, Thành phố Hồ Chí Minh, Vĩnh Long, Trà Vinh, Bình Thuận |
| 20 | Việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động năm 2024 của các cơ sở y tế công lập tỉnh Kiên Giang và thành phố Cần Thơ |
| 21 | Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp nông nghiệp giai đoạn 2022 - 2024 của thành phố Cần Thơ |
| 22 | Việc triển khai, thực hiện Nghị quyết số 72/2022/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2023 - 2024 |
| 23 | Việc thực hiện chính sách phát triển nhà ở xã hội giai đoạn 2021 - 2024 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu |
| D | KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG VÀ VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ |
| 1 | Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ QL.1A giao với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình bằng nút giao Liêm Sơn đi qua huyện Bình Lục giao với đường QL.21A, QL.21B, đường nối hai cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Hà Nội - Ninh Bình; kết nối hai di tích quốc gia đặc biệt là đền Trần Thương (tỉnh Hà Nam) và Khu di tích lịch sử - Văn hóa đền Trần (tỉnh Nam Định) |
| 2 | Dự án thành phần 1A của Dự án đầu tư xây dựng đoạn Tân Vạn - Nhơn Trạch giai đoạn 1 thuộc đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh; Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Rạch Miễu 2 nối tỉnh Tiền Giang và tỉnh Bến Tre |
| 3 | Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Rạch Sỏi - Bến Nhất, Gò Quao - Vĩnh Thuận |
| 4 | Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu, giai đoạn 1 (Dự án thành phần 1 Km0+000 - Km16+000; Dự án thành phần 2 Km16+00 - Km27+430) |
| 5 | Các dự án đường ven biển: Dự án hoàn thiện đường ven biển 129 (Võ Chí Công); Dự án đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - giai đoạn 1 |
| 6 | Dự án xây dựng nút giao thông An Phú, thành phố Thủ Đức |
| 7 | Dự án đầu tư xây dựng các tuyến đường trục kết nối với các khu chức năng trong Khu kinh tế tỉnh Thái Bình |

| STT | NHIỆM VỤ KIỂM TOÁN |
|-----|--|
| 8 | Dự án tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc |
| 9 | Dự án kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc |
| 10 | Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuật giai đoạn 1 (Dự án thành phần 1, 2, 3) |
| 11 | Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1 (Dự án thành phần 1, 2,3) |
| 12 | Dự án thành phần 3 - các công trình thiết yếu trong Cảng hàng không thuộc Dự án đầu tư xây dựng Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1; Dự án xây dựng nhà ga hành khách T3 - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất |
| 13 | Các dự án nhà máy điện: Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4; Dự án Nhà máy thủy điện Ialy mở rộng; Dự án Nhà máy thủy điện Hòa Bình mở rộng; Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 mở rộng |
| 14 | Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại Khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng |
| 15 | Các dự án đường dây 500KV từ Quảng Trạch đến Phố Nối |
| 16 | Dự án nâng công suất phân xưởng NH3 của Nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy sản xuất phân NPK công nghệ hóa học |
| 17 | Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025: Đoạn Vũng Áng - Bùng; Đoạn Bùng - Vạn Ninh |
| 18 | Dự án vệ sinh môi trường thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2; Dự án xây dựng đường nối đường Trần Quốc Hoàn - đường Cộng Hòa, quận Tân Bình |
| 19 | Dự án tuyến đường Tân Phúc - Võng Phan (giao ĐT.378) tỉnh Hưng Yên |
| 20 | Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Phú Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre |
| E | KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH, CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN NHÀ NƯỚC NĂM 2024 CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM |
| F | KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH, CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN NHÀ NƯỚC NĂM 2024 |
| 1 | Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP |
| 2 | Tập đoàn Hóa chất Việt Nam |
| 3 | Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP |

| STT | NHIỆM VỤ KIỂM TOÁN |
|------------|--|
| 4 | Tập đoàn Dầu khí Việt Nam |
| 5 | Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam |
| 6 | Ngân hàng Chính sách xã hội |
| 7 | Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam |
| 8 | Bảo hiểm Xã hội Việt Nam |
| 9 | Tổng công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP |
| 10 | Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai |
| G | KIỂM TOÁN CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC DƯỚI 50% |
| 1 | Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội |
| 2 | Công ty cổ phần PVI |
| H | LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG |
| I | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2024 |
| 1 | Quân khu 2 |
| 2 | Quân khu 4 |
| 3 | Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội |
| 4 | Quân chủng Hải quân |
| 5 | Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển |
| 6 | Bộ Tư lệnh Tác chiến Không gian mạng |
| II | Kiểm toán chuyên đề |
| 1 | Việc quản lý, sử dụng ngân sách cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo giai đoạn 2023 - 2024 tại các học viện, nhà trường thuộc Bộ Quốc phòng, gồm: Học viện Quốc phòng, Học viện Chính trị, Học viện Lục quân, Học viện Hậu cần, Học viện Kỹ thuật quân sự, Trường Sĩ quan Lục quân 1, Trường Sĩ quan Lục quân 2, Trường Sĩ quan Chính trị |
| III | Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2024 |
| 1 | Tổng công ty Đông Bắc |
| K | LĨNH VỰC AN NINH, KHÓI CƠ QUAN ĐẢNG |
| I | Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách năm 2024 |
| 1 | Bộ Công an |
| 2 | Văn phòng Trung ương Đảng |

| STT | NHIỆM VỤ KIỂM TOÁN |
|------------|---|
| 3 | Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh |
| II | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2024 |
| 1 | 9 tỉnh ủy: Hà Nam, Phú Thọ, Yên Bái, Hậu Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Bình Dương, Tây Ninh |
| 2 | Cục Cảnh sát giao thông; Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Cục Kỹ thuật nghiệp vụ; Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Cục Đối ngoại |
| 3 | 25 công an tỉnh, thành phố: Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Bình Dương, Tây Ninh, Tiền Giang, Vĩnh Long, Cà Mau, Hậu Giang, Lâm Đồng, Phú Yên, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bắc Kạn, Bắc Giang, Cao Bằng, Lai Châu, Lào Cai, Phú Thọ, Hà Nam, Thái Bình, Ninh Bình |
| III | Kiểm toán chuyên đề |
| 1 | Việc quản lý, sử dụng các nguồn lực thực hiện đề án điều động công an chính quy đảm nhiệm các chức danh công an xã giai đoạn 2022 - 2024 tại 25 công an tỉnh, thành phố |
| IV | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư |
| 1 | DA-DC12/10, DA/C04/2021, B.217A, DA1C06/2023, DA2C06/2023, DA.0120C, Dự án đầu tư trang bị phương tiện và công cụ hỗ trợ cho lực lượng công an xã, thị trấn chính quy, Dự án đầu tư hệ thống camera giám sát an ninh và hệ thống cơ sở dữ liệu tại các trại tạm giam, nhà giam giữ công an các đơn vị, địa phương |
| 2 | Đề án chuyển đổi số trong cơ quan Đảng; Đề án xây dựng Bảo tàng Đảng Cộng sản Việt Nam; Dự án cải tạo, nâng cấp và xây mới Khu nhà khách Hồ Tây |